TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/HS-ST
Ngày: 19/7/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Bà Sơn Thị Sô Tha
- Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Anh Đào.
Ông Huỳnh Hữu Thuận.
-Thư ký phiên tòa: Ông Kim Riêng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên toà: Ông Lê Thanh Tú – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2018; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Thạch Thị Sa T, sinh năm 1974;
Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: ấp B, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch C (chết) và bà Kiên Thị Sa R, sinh năm 1949; chồng không có; anh chị em ruột: không; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân tốt; Bị cáo tại ngoại (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).
- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Trần Thị H, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh – Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 02 bào chữa cho bị cáo Thạch Thị Sa T.

2. Trần Thị Ngọc Đ, sinh năm 1981;
Tên gọi khác: Trần Thị Út E.
Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C (chết) và bà Trầm Thị B, sinh năm 1941; có chồng Sơn Tấn T, sinh năm 1979 và 03 người con lớn nhất sinh năm 2007; nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân tốt; Bị cáo tại ngoại (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Kim Thị Th, sinh năm 1961;

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kim G (chết) và Ngô Thị H (chết); có chồng Thạch Đ, sinh năm 1953 và 03 người con lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1985; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân tốt; Bị cáo tại ngoại (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Công H, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh – Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 02 bào chữa cho bị cáo Kim Thị Th.

4**. Thạch Thị Hồng V**, sinh năm 1983;

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch Đ, sinh năm 1953 và bà Kim Thị Th, sinh năm 1961; chồng: không có;anh chị em ruộc 03 người lớn nhất sinh năm 1981; nhỏ nhất sinh năm 1985 tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân tốt; Bị cáo tại ngoại (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Nguyễn Thị Hồng T, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh bào chữa cho bị cáo Thạch Thị Hồng V.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Kiên L, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Trú tại: ấp B, xã Đ , huyện D, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Thạch Thị H, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Trú tại: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người làm chứng:

1. Bà Kim Thị N, sinh năm 1976 (vắng mặt).
2. Bà Trần Thị C, sinh năm 1973 (vắng mặt).
3. Bà Kim Thị V, sinh năm 1966 (vắng mặt).
4. Bà Tăng Thị D, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Cùng trú tại: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Người phiên dịch: Ông Thạch C, sinh năm 1947;

Trú tại: ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 20/11/2017 nhận được tin báo của quần chúng nhân dân là tại nhà của bà Huỳnh Thị Ánh Ng có nhiều người tham gia đánh bạc với hình thức đánh bài thắng thua bằng tiền. Công an xã Hàm Giang tiến hành kiểm tra, xác định có 04 người tham gia đánh bạc gồm Kim Thị V; Trần Thị C; Tăng Thị D và bị cáo Thạch Thị Sa T. Kết quả làm việc đã chứng minh được

những người nêu trên sử dụng số tiền là 232.000đ để đánh bạc, xét thấy số tiền dùng đánh bạc dưới mức 5.000.000đ, về nhân thân thì chưa có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc nên hành vi những người nêu trên chỉ vi phạm hành chính. Công an xã Hàm Giang đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi người 1.500.000đ về hành vi đánh bạc trái phép.

Đối với bị cáo Thạch Thị Sa T, ngoài hành vi đánh bạc trái phép nêu trên còn có hành vi tổ chức ghi, bán số đầu đuôi, số bao lô (số đề) thắng thua bằng tiền với nhiều người khác có dấu hiệu về tội tổ chức đánh bạc được quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Quá trình điều tra, xác minh đã chứng minh được vào ngày 20/11/2017 lợi dụng xổ số kiến thiết miền Nam của ba đài gồm: Cà Mau, Đồng Tháp, thành phố Hồ Chí Minh mở thưởng, bị cáo dùng 02 số điện thoại 0981748436 và 0989206172 của bị cáo nhận biên số đề trực tiếp từ người. Sau khi nhận biên số đề bị cáo T ghi lại các nội dung cá cược vào 02 tờ phơi đề để tính tiền thắng thua với người mua. Trong 02 tờ phơi đề và trong điện thoại di động bị cáo T nhận biên số đề thể hiện số tiền cá cược như sau: Cá cược với bị cáo Trần Thị Ngọc Đ số tiền 14.900.000đ; cá cược với với bà Thạch Thị H số tiền là 220.000đ; cá cược với ông Kiên L số tiền là 120.000đ; cá cược với bị cáo Kim Thị Th số tiền 16.840.000đ. Trong đó, bị cáo Kim Thị Th trực tiếp mua số đề của bị cáo T với số tiền là 1.640.000đ, còn lại 15.200.000đ bị cáo Th nhờ con là bị cáo Thạch Thị Hồng V dùng điện thoại di động sử dụng sim số 01662987926 của bị cáo V để nhắn tin mua số đề cho bị cáo Th. Ngoài ra, bị cáo T còn ghi số đề cá cược thắng thua cùng nhiều người khác với số tiền là 1.060.000đ được thể hiện trên tờ giấy phơi đề, do bị cáo khai không biết tên và địa chỉ của người mua số đề nên Cơ quan điều tra không mời được để điều tra, làm rõ xử lý. Ngoài những người mua số đề của bị cáo T nêu trên còn có bà Kim Thị N có dùng điện thoại di động sử dụng sim số 01688.555.059 nhắn tin vào số điện thoại 0989.206.172 của bị cáo T để mua số đề cá cược thắng thua với tổng số tiền là 1.260.000đ. Tuy nhiên, tin nhắn này bị cáo T chưa xem và chưa trả lời đồng ý cá cược với bà N và chưa ghi ra phơi đề.

Về số tiền đánh bạc các bị cáo và các đối tượng chịu trách nhiệm như sau: Bị cáo Thạch Thị Sa T là 33.140.000đ, bị cáo Trần Thị Ngọc Đ là 14.900.000đ, bị cáo Kim Thị Th là 16.840.000đ. Riêng bị cáo Thạch Thị Hồng V tuy không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng đã giúp sức cho bị cáo Th đánh bạc, thông qua việc V dùng điện thoại di động của mình và sử dụng sim số 01662987926 để nhắn tin với bị cáo T mua số đề với số tiền là 15.200.000đ, ông Kiên L là 120.000đ và bà Thạch Thị H là 220.000đ.

Về hình thức cá cược thắng thua được tính như sau: Khi có kết quả xổ số nếu người ghi số đề mua số đầu, đuôi thì tỉ lệ thắng thua là 1/80, tức là mua 1.000 đồng, trúng được 80.000 đồng. Nếu bao lô 02 con số chỉ tính 14 lô thì tỉ lệ thắng thua là 1/70, tức mua 1.000 đồng, trúng được 70.0000 đồng/lô. Nếu bao lô 03 con số, chỉ tính 14 lô thì tỉ lệ thắng thua là 1/600, tức mua 1.000 đồng, trúng được 600.000 đồng/lô.

Về vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu FPT, màu đen, sử dụng bàn phím, số IMEI 1: 980029001068512, số IMEI 2: 980029001139511, sử dụng sim số 0981748436 điện thoại cũ đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 5,

cảm ứng, màu trắng, số IMEI: 013628000867443, sử dụng sim số 0989206172, điện thoại cũ đã qua sử dụng của của bị cáo Thạch Thị Sa T; 01 điện thoại di động hiệu OPPO, cảm ứng, màu trắng, số IMEI 1: 860739037664358, số IMEI 2: 860739037664341, sử dụng sim số 0964157045, điện thoại cũ đã qua sử dụng cùng số tiền sử dụng đánh bạc là 14.900.000đ của bị cáo Trần Thị Ngọc Đ và 16.840.000đ là số tiền sử dụng đánh bạc của bị cáo Kim Thị Th.(Hiện Chi cục thi hành dân sự huyện Trà Cú đang quản lý số vật chứng trên).

Tại bản cáo trạng số: 36/CT-VKSTC ngày 31/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú truy tố bị cáo Thạch Thị Sa T đã phạm vào tội "Tổ chức đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và truy tố các bị cáo Kim Thị Th, Trần Thị Ngọc Đ, Thạch Thị Hồng V về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi "Tổ chức đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và các bị cáo Kim Thị Th, Trần Thị Ngọc Đ, Thạch Thị Hồng V khai nhận toàn bộ hành vi "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Các bị cáo thừa nhận những lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra là do các bị cáo tự nguyện khai nhận cũng như toàn bộ nội dung mà bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú mô tả về hành vi thực hiện tội phạm của các bị cáo là hoàn toàn đúng, các bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú: Sau khi phân tích các chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Thạch Thị Sa T, Kim Thị Th, Trần Thị Ngọc Đ và Thạch Thị Hồng V. Đại diện Viện kiểm sát quyết định giữ nguyên bản Cáo trạng đã truy tố bị cáo Thạch Thị Sa T phạm tội "Tổ chức đánh bạc"; các bị cáo Kim Thị Th, Trần Thị Ngọc Đ, Thạch Thị Hồng V phạm tội "Đánh bạc" nên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên phạt bị cáo Thạch Thị Sa T từ 01(Một) năm đến 01(Một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên phạt bị cáo Trần Thị Ngọc Đ số tiền từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

- Căn cứ khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 17; Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên phạt bị cáo Kim Thị Th số tiền từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

Tuyên phạt bị cáo Thạch Thị Hồng V số tiền từ 5.000.000đ đến 7.000.000đ.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

- Quan điểm của Trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo Thạch Thị Sa T như sau: Tôi thống nhất nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với các lý do: bị cáo có trình độ học vấn thấp, chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo nuôi mẹ già bệnh tiểu đường và là lao động chính trong gia đình, sống ở xã có đặc biệt khó khăn, có nơi cư trú rõ ràng để cho bị cáo được giảm nhẹ một phần hình phạt theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo được hưởng án treo và chịu sự giám sát của chính quyền địa phương; về vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 5 cũ đã qua sử dụng; về án phí: Do bị cáo sống ở xã đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 12, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

- Quan điểm của Trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo Kim Thị Th như sau: Tôi thống nhất nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú. Tuy nhiên, Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cho bị cáo với mức thấp nhất tạo điều kiện cho bị cáo đủ điều kiện để thi hành án với các lý do: bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có trình độ học vấn thấp, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải; là lao động chính trong gia đình, có chồng bị bệnh tai biến và gia đình có công với Cách mạng, sống ở xã có đặc biệt khó khăn và là lao động chính trong gia đình để cho bị cáo được giảm nhẹ một phần hình phạt theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Về án phí: Do bị cáo sống ở xã đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 12, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

- Quan điểm của Trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo Thạch Thị Hồng V như sau: Tôi thống nhất nội dung tội danh, quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú. Tuy nhiên, Trợ giúp viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với các lý do bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là người dân tộc Khmer sống ở xã đặc biệt khó khăn, sau khi phạm tội bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải nên xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để cho bị cáo được giảm nhẹ một phần hình phạt theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Về án phí: Do bị cáo sống ở xã đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 12, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Thạch Thị Sa T xin Hội đồng xét xử xem xét được hưởng án treo để nuôi mẹ già bị bệnh.

Các bị cáo Kim Thị Th, Trần Thị Ngọc Đ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ tiền phạt. Bị cáo Thạch Thị Hồng V không trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trà Cú, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Vào ngày 20/11/2017 bị cáo Thạch Thị Sa T đã có hành vi tổ chức đánh bạc với hình thức ghi, mua bán số đầu đuôi, bao lô thắng thua bằng tiền, số tiền dùng vào việc tổ chức đánh bạc là 31.740.000đ. Trong đó, bị cáo Trần Thị Ngọc Đ mua số đề với tổng số tiền là 14.900.000đ, bị cáo Kim Thị Th mua số đề với tổng số tiền là 16.840.000đ, riêng bị cáo Thạch Thị Hồng V tuy không trực tiếp đánh số đề nhưng đã giúp sức cho bị cáo Th thông qua việc V dùng điện thoại di động của mình để nhắn tin với bị cáo T mua số đề cho bị cáo Th với số tiền là 15.200.000đ. Do hành vi của các bị cáo bị phát hiện trước khi có kết quả xổ số, chưa tính thắng thua nên các bị cáo chưa thu lợi bất chính từ việc đánh bạc. Hành vi của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Thạch Thị Sa T phạm tội "Tổ chức Đánh bạc" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và các bị cáo Trần Thị Ngọc Đ, Kim Thị Th và Thạch Thị Hồng V phạm tội "Đánh bạc" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến an ninh, trật tự tại địa phương với mục đích thu lợi bất chính. Hiện nay tình trạng đánh bạc trái pháp luật vẫn còn diễn biến phức tạp trong cộng đồng dân cư, tính chất mức độ ngày càng nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa của nhân dân, trật tự an toàn của xã hội. Các bị cáo nhận thức được cờ bạc không chỉ mang tính sát phạt lẫn nhau mà còn là một trong các tệ nạn xã hội, gây nên sự đói nghèo và phát sinh nhiều loại tội phạm khác nên bị pháp luật nghiêm cấm. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình

phạt nghiêm khắc mới tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét về vai trò của các bị cáo: Bị cáo Thạch Thị SaT vì động cơ tư lợi cá nhân mà tổ chức đánh bạc, trực tiếp ghi lô, đề và là người trả thưởng nên cần phải xử lý nghiêm khắc hơn các bị cáo khác và cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền; các bị cáo Th và bị cáo Đ chỉ vì ham muốn thu lợi bất chính nên bất chấp việc vi phạm pháp luật thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo V tuy không tham gia đánh bạc nhưng bị cáo đã trực tiếp dùng số điện thoại của mình nhắn tin cho bị cáo T mua số đề giúp cho bị cáo Th thực hiện hành vi đánh bạc với hình thức thắng thua bằng tiền. Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì hành vi của Thạch Thị Hồng V không đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc nhưng phải chịu trách nhiệm hình sự đồng phạm về tội đánh bạc nên bị cáo V chịu trách nhiệm thấp nhất trong vụ án.

[5] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, mức độ tham gia vào việc thực hiện tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo:

Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét về nhân thân: Các bị cáo Thạch Thị Sa T, Kim Thị Th, Trần Thị Ngọc Đ, Thạch Thị Hồng V có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, sống ở xã đặc biệt khó khăn, việc am hiểu pháp luật còn hạn chế. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Trong đó, bị cáo Thạch Thị Sa T là lao động chính trong gia đình và nuôi mẹ già đang bị bệnh tiểu đường nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Ngoài ra bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên có căn cứ xử phạt tù cho bị cáo hưởng án treo, điều này cũng là phù hợp với quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018.

Bị cáo Trần Thị Ngọc Đ hiện đang nuôi 03 con còn nhỏ; gia đình có công với cách mạng, bị cáo Kim Thị Th lao động chính trong gia đình có chồng bị bệnh tai biến không có khả năng lao động và là con của người có công với cách mạng có bố, mẹ đều được tặng thưởng huân chương kháng chiến, các bị cáo đều nhận thức pháp luật hạn chế. Do đó, cần áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 và việc áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo là cũng có căn cứ và đủ sức răn đe. Bên cạnh đó bị cáo Thạch Thị Sa T cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Mặt khác, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Cú đã làm rõ được bà Thạch Thị H và ông Kiên L có hành vi đánh bạc trái phép, số tiền đánh bạc dưới 5.000.000đ. Xét về nhân thân bà H và ông L chưa có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc nên hành vi của của bà H và ông L chỉ vi phạm hành chính, đã vi phạm vào khoản 1 Điều 26 Nghị định số: 167/2013/NĐ-CP, ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Công an huyện Trà Cú đã ra Quyết định xử

phạt vi phạm hành chính đối với bà H và ông L, mỗi đối tượng là 350.000đ. Đồng thời, tịch thu số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc.

Riêng đối với bà Kim Thị N có hành vi dùng điện thoại di động của mình để nhắn tin mua số đề cá cược với bị cáo T nhưng bị cáo T chưa trả lời đồng ý cá cược với bà N nên hành vi của bà N chưa xác lập vi phạm hành chính do đó không xử lý, còn lại các đối tượng khác do không rõ tên, địa chỉ nên chưa xác minh làm rõ được, khi nào xác minh được sẽ xem xét, xử lý sau.

Đối chiếu các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự; nhân thân của các bị cáo với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo, xét thấy mức án đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc khi quyết định hình phạt.

Quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo Thạch Thị Sa T, Kim Thị Th và Thạch Thị Hồng V là có cơ sở nghĩ cần được chấp nhận.

[6] Về vật chứng: Đối với số tiền dùng đánh bạc 31.740.000đ trong đó có 14.900.000đ của bị cáo Trần Thị Ngọc Đ và 16.840.000đ của bị cáo Kim Thị Th dùng vào việc đánh bạc nên căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, cần phải tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với: 01 điện thoại di động hiệu FPT, màu đen, số IMEI 1: 980029001068512, số IMEI 2: 980029001139511, sử dụng sim số 098174843601 và sim số 0989206172 điện thoại cũ đã qua sử dụng của bị cáo Thạch Thị Sa T; 01 điện thoại di động hiệu OPPO, cảm ứng, màu trắng, số IMEI 1: 860739037664358, số IMEI 2: 860739037664341, sử dụng sim số 0964157045, điện thoại cũ đã qua sử dụng của bị cáo Trần Thị Ngọc Đ là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội nghĩ nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho bị cáo Thạch Thị Sa T 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 5, cảm ứng, màu trắng, số IMEI: 013628000867443 điện thoại cũ đã qua sử dụng.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Thạch Thị Sa T phạm tội "Tổ chức Đánh bạc".

Tuyên bố các bị cáo Trần Thị Ngọc Đ, Kim Thị Th và Thạch Thị Hồng V phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

2.1 Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Thạch Thị Sa T 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/7/2018).

Giao Thạch Thị Sa T cho Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh, nơi bị cáo T cư trú để quản lý, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: phạt tiền Thạch Thị Sa T 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* sung công quỹ Nhà nước.

2.2 Căn cứ khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc Đ số tiền 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)*.

2.3 Căn cứ khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Kim Thị Th số tiền 7.000.000đ *(Bảy triệu đồng)*.

Xử phạt: bị cáo Thạch Thị Ngọc V số tiền 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*.

3. Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu FPT, màu đen, số IMEI 1: 980029001068512, số IMEI 2: 980029001139511, sử dụng sim số 098174843601 và sim số 0989206172 điện thoại cũ đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO, cảm ứng, màu trắng, số IMEI 1: 860739037664558, số IMEI 2: 860739037664341, sử dụng sim số 0964157045, điện thoại cũ đã qua sử dụng (Vật chứng đang được Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú quản lý).

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 31.740.000đ *(Ba mươi mốt triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0007351 và 0007352 cùng ngày 22/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Hoàn trả cho bị cáo Thạch Thị Sa T 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 5, cảm ứng, màu trắng, số IMEI: 013628000867443 điện thoại cũ đã qua sử dụng. (Vật chứng đang được Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú quản lý).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Thị Ngọc Đ phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)*, án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Thạch Thị Sa T, Kim Thị Th và Thạch Thị Hồng V.

Các bị cáo, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Sơn Thị Sô Tha

Nơi nhận:
-TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- CA huyện Trà Cú;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Chi Cục THADS huyện Trà Cú;
- Những người TGTT**;**
- Lưu.